

LỢI ÍCH CỦA HỘI VÀ QUYẾT ĐỊNH THAM GIA HỘI CỦA NGƯỜI DÂN AN GIANG

PGS., TS. Lê Khương Ninh
Trưởng ĐH Cần Thơ
Cao Văn Hơn
Trường Cao đẳng Nghề An Giang

Do rất tiện lợi và có ích nên hội là hình thức tín dụng dân gian khá phổ biến và hấp dẫn nhiều người tham gia. Trên nguyên tắc, lợi ích của hội xuất phát từ việc tiết kiệm của người này được sử dụng ngay để tài trợ cho người khác mà không phải chờ đến khi tự tiết kiệm đủ tiền. Tuy có lợi như vậy nhưng do ảnh hưởng của một số yếu tố nên không phải ai cũng tham gia hội. Mục tiêu của bài viết là nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định tham gia hội trên cơ sở hệ thống dữ liệu sơ cấp thu thập từ 450 cá nhân được chọn ngẫu nhiên ở tỉnh An Giang. Kết quả nghiên cứu cho thấy quyết định tham gia hội của các cá nhân phụ thuộc vào các yếu tố như nghề nghiệp, lợi ích, thu nhập, chi tiêu bất thường, thâm niên tham gia hội, nơi sống, giá trị tài sản và mục đích tham gia. Trong đó, đáng lưu ý nhất là những người tham gia hội thường quan tâm đến lợi ích mà lơ là yếu tố rủi ro do chủ quan nên hiện tượng vỡ hội diễn ra khá phổ biến. Từ kết quả phân tích, bài viết đề xuất một số giải pháp nhằm làm cho hội trở thành một kênh tín dụng ngày càng hữu ích đối với người dân.

Đặt vấn đề

Khi cần tiền để đáp ứng một nhu cầu nào đó, nhiều người không thể vay các tổ chức tín dụng (TCTD) do không có cơ hội, không đủ uy tín hay thiếu tài sản thế chấp. Ngược lại, khi có được một khoản tiết kiệm nhỏ, nhiều người lại phải giữ ở nhà vì hầu hết các TCTD không chấp nhận các khoản tiền gửi quá nhỏ bởi chi phí giao dịch cao (Barslund và Tarp, 2008). Trong điều kiện đó, hội được xem như một hình thức tín dụng đơn giản nhưng rất hữu ích vì có thể giúp các cá nhân tập hợp những khoản tiền tiết kiệm nhỏ thành khoản tiền đủ lớn để sử dụng cho một mục đích thiết thực nào đó (như tạo vốn kinh doanh, sản xuất, mua sắm vật dụng gia đình, chữa bệnh hay trả nợ).

Ưu điểm của hội là cho phép sử dụng ngay tiền tiết kiệm của người này để tài trợ cho người khác mà không phải chờ đến khi tự tích lũy đủ tiền, qua đó làm tăng lợi ích cho những người tham gia và giảm lãng phí do tiền tiết kiệm không được sử dụng nhanh chóng (Besley và các tác giả, 1993). Mặc dù hội có lợi như vậy nhưng thực tế cho thấy không phải mọi người đều tham gia do chịu ảnh hưởng của một số yếu tố nhất định. Nếu vậy, một lượng tiền nhàn rỗi đáng kể nằm rải rác trong dân chúng không được sử dụng để sinh lợi trong khi hệ thống tín dụng chính thức (TDCT) chưa phát triển đủ mạnh (nhất là ở những vùng nông thôn xa xôi) để có thể tập hợp nguồn lực tài chính rất dồi dào và quý báu này (Imai và các tác giả, 2010).



Giống như ở nhiều nước trên thế giới, hội là hình thức tín dụng dân gian rất phổ biến ở nước ta (Tanaka và Nguyen, 2008; Anderson và các tác giả, 2009; Eeckhout và Munshi, 2010) nhưng, theo hiểu biết của nhóm tác giả thì có ít nghiên cứu về nó. Thực tế đó khích lệ nhóm tác giả thực hiện bài viết này với mục tiêu là nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định tham gia hội (cụ thể là số tiền tham gia) của các cá nhân nhằm tìm ra giải pháp giúp phát triển hội trở thành kênh tín dụng hữu ích cho người dân.

Cơ sở lý luận về các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định tham gia hội

Theo các nhà nghiên cứu (như Besley và các tác giả 1993; Levenson và Besley, 1996), yếu tố cơ bản nhất ảnh hưởng đến quyết định tham gia hội của các cá nhân đó là cơ hội tiếp cận TDCT. Nếu dễ tiếp cận TDCT thì các cá nhân sẽ ít có động cơ tham gia hội bởi các TCTD chính thức là địa chỉ an toàn hơn để gửi tiết kiệm và rất chuyên nghiệp trong việc đáp ứng nhu cầu vay vốn của các đối tượng.

Mặc dù các dây hội có thể được thiết kế để giảm rủi ro cho người tham gia (như chỉ bao gồm ít người thân quen, trả thù lao (hoa hồng) cho chủ hội để kiểm soát và cưỡng chế người tham gia, đặt người kém tin cậy nhất vào vị trí cuối cùng nhận số tiền đóng góp, sử dụng các chuẩn mực đạo đức xã hội và cộng đồng để ràng buộc người tham gia hay tẩy chay không cho tham gia các dây hội tiếp theo) nhưng việc tham gia hội luôn tiềm ẩn rủi ro khó lường do những người đã nhận khoản tiền đóng góp không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ của mình (Handa và Kirton, 1999; Anderson và các tác giả, 2009). Vì vậy, quyết định tham gia hội sẽ tùy thuộc vào quan điểm của các cá nhân đối với rủi ro (đó là sợ hay không sợ rủi ro). Hiển nhiên là rủi ro sẽ được đánh đổi với lợi ích nhận được từ việc tham gia hội và mặc dù khó có thể dự báo chính xác mức

độ rủi ro của việc tham gia hội nhưng nếu lợi ích được điều chỉnh theo rủi ro là đủ lớn theo nhận định (chủ quan) của bản thân thì các cá nhân sẽ có động cơ tham gia hội (Ambec và Treich, 2007).

Theo Levenson và Besley (1996), Handa và Kirton (1999)... những người có thu nhập cao sẽ có nhiều thời gian và điều kiện thiết lập mối quan hệ xã hội rộng rãi, gần gũi và thân tình với nhiều người do đó có thể đánh giá uy tín của những người xung quanh một cách chính xác hơn nên có động cơ tham gia hội mạnh hơn. Hơn nữa, những người có thu nhập cao sẽ dễ được chấp nhận vào các dây hội nếu muốn tham gia vì thường được xem là có uy tín cao và đáng tin cậy. Tương tự, người phải chi nhiều khoản bất thường có xu hướng tham gia nhiều dây hội với chu kỳ (hội ngày, hội tuần, hội tháng...) và số tiền tham gia khác nhau để có thể linh động trong chi tiêu bởi hội là một phương thức dự phòng hiệu quả, nhất là đối với những người ít có điều kiện tiếp cận các hình thức tín dụng khác mà lại không muốn giữ tiền ở nhà nhằm hạn chế các chi tiêu không cần thiết của bản thân hay của người thân trong gia đình (Calomiris và Rajaraman, 1998).

Nếu thâm niên tham gia hội càng dài thì người tham gia sẽ có nhiều kinh nghiệm (nhất là trong việc hạn chế rủi ro), có nhiều thông tin để giúp chọn hình thức hội và đối tác có lợi nhất cho mình... nên sẽ có xu hướng tham gia hội với số tiền nhiều hơn (Ambec và Treich, 2007). Bên cạnh đó, thói quen hình thành từ việc tham gia hội trong thời gian dài cũng khiến các cá nhân có xu hướng tiếp tục vì thường ít ai muốn thay đổi thói quen của mình, trừ khi có bất trắc xảy ra.

Ngoài ra, còn có một số yếu tố khác ảnh hưởng đến động cơ tham gia hội của các cá nhân, chẳng hạn như tuổi. Người lớn tuổi thường có nhiều tài sản, nhiều kinh nghiệm, nhiều mối quan hệ xã hội... nên



có xu hướng tham gia hội với số tiền nhiều hơn. Tuy nhiên, cũng có lập luận cho rằng người trẻ tuổi lại có nhu cầu cao hơn về sửa sang nhà cửa, mua sắm vật dụng gia đình hay nuôi dưỡng con cái nên sẽ có nhu cầu tiết kiệm cao hơn và do đó tham gia hội với số tiền lớn hơn với mục tiêu tích lũy cho tương lai. Người trẻ tuổi thường năng động, dễ hòa nhập với cộng đồng và nhạy bén trong việc tiếp cận các cơ hội sinh lợi nên sẽ có động cơ tham gia hội mạnh hơn (Levenson và Besley, 1996).

Trình độ học vấn cũng là yếu tố cần quan tâm vì người có trình độ học vấn càng cao thì nhu cầu tham gia hội càng thấp do dễ tiếp cận TDCT hay bán chính thức nhờ thông hiểu thủ tục vay và thường có uy tín xã hội cao (Lê Khương Ninh và Phạm Văn Dương, 2011). Vì các TCTD thường đặt trụ sở ở thị trấn, thị xã hay thành phố nên những người sống ở nông thôn ít có cơ hội tiếp cận TDCT; trong điều kiện đó, cách tốt nhất để tạo vốn làm ăn hay tiết kiệm là tham gia hội thay vì tự để dành.

Nhiều nghiên cứu (như Anderson và các tác giả, 2009; Eeckhout và Munshi, 2010) còn ngụ ý rằng bên cạnh các yếu tố thuộc về bản thân, các yếu tố mang tính chất gia đình cũng ảnh hưởng đến quyết định tham gia hội của các cá nhân. Gia đình có nhiều

thành viên sẽ phải chi tiêu nhiều hơn nên sẽ có xu hướng tham gia hội với số tiền ít hơn. Người có nhiều đất (đất ruộng, vườn hay thổ cư) sẽ dễ vay TDCT bởi có tài sản thế chấp có giá trị, do đó động cơ tham hội sẽ thấp; tuy nhiên, cũng có lập luận cho rằng những người có nhiều đất thường là những người giàu nên có thể tham gia hội với số tiền lớn (Levenson và Besley, 1996). Ngược lại, các loại tài sản dễ chuyển đổi thành tiền mặt như tivi, video, quạt điện, xe máy... thường không thể thế chấp để vay TDCT nhưng lại dễ bán lấy tiền khi cần. Do đó, những người có nhiều tài sản loại này sẽ ít có động cơ tham gia hội vì thời điểm “hốt” hội lại chưa chắc là lúc phát sinh nhu cầu. Cuối cùng, các nghiên cứu còn cho rằng mục tiêu sử dụng tiền “hốt” hội cũng ảnh hưởng đến số tiền tham gia hội. Nếu có mục tiêu tạo vốn để đầu tư vào sản xuất – kinh doanh thì các cá nhân sẽ có xu hướng tham gia hội với số tiền đủ lớn để đầu tư.

Mô hình nghiên cứu

Trên cơ sở các lập luận vừa trình bày ở trên, bài viết hình thành mô hình nghiên cứu như sau:

$$SOTIEN = \beta_0 + \beta_1 NGHENGHIEP + \beta_2 QDRUIRO + \beta_3 LOIICH + \beta_4 THUNHAP + \beta_5 CHIBATTHUONG + \beta_6 THAMNIEN + \beta_7 TUOI + \beta_8 HOCVAN + \beta_9 NOISONG + \beta_{10} SOTHANHVIEN + \beta_{11} GIATRIDAT + \beta_{12} TAISAN + \beta_{13} MUCDICH$$



Trong mô hình trên, biến phụ thuộc (SOTIEN) là số tiền tham gia hội của các cá nhân (triệu đồng); đối với những người không tham gia, SOTIEN = 0. Ý nghĩa của các biến sử dụng trong mô hình và kỳ vọng về dấu của các hệ số β_i ($i = 1, 2, \dots, 13$) (Bảng 1).

Bảng 1: Ý nghĩa của các biến và kỳ vọng về dấu của các hệ số β_i

Tên biến	Diễn giải	Kỳ vọng
NGHENGHIEP	Có giá trị là 1 đối với những người ít có khả năng vay được TDCT (do chỉ làm thuê, làm nông nghiệp hay mua bán nhỏ) và là 0 nếu ngược lại	+
QDRUIRO	Có giá trị là 1 đối với người sợ rủi ro và là 0 nếu ngược lại	-
LOIICH	Có giá trị là 1 đối với người cho rằng lợi ích từ tham gia hội là đủ lớn để có thể chấp nhận rủi ro và là 0 nếu ngược lại	+
THUNHAP	Thu nhập của người được phỏng vấn (triệu đồng/tháng)	+
CHIBATTHUONG	Chi tiêu không lương trước như tiền trị bệnh, ma chay, cưới hỏi, giỗ quây, lễ lạt... (triệu đồng/năm)	+
THAMNIEN	Số năm tham gia hội	+
TUOI	Tuổi của người được phỏng vấn	+/-
HOCVAN	Có giá trị là 1 đối với người đã tốt nghiệp cấp 3 và là 0 đối với các trường hợp khác	-
NOISONG	Có giá trị là 0 đối với người sống ở nông thôn và là 1 nếu ngược lại.	-
SOTHANHVIEN	Số thành viên trong gia đình (người)	-
GIATRIDAT	Giá trị đất đai của người được phỏng vấn (triệu đồng)	+/-
TAISAN	Giá trị của các loại tài sản dễ chuyển đổi thành tiền mặt như tivi, video, quạt điện, xe máy... (triệu đồng)	-
MUCDICH	Có giá trị là 1 nếu tham gia hội với mục tiêu tạo vốn để sản xuất - kinh doanh và là 0 đối với các mục tiêu khác	+

phân tích đặc điểm của các cá nhân trong mẫu khảo sát cũng như thực trạng tham gia hội của họ. Sau đó, bài viết tiến hành ước lượng mô hình hồi quy để chỉ ra ảnh hưởng của các yếu tố đến số tiền tham gia hội của các cá nhân bằng cách sử dụng mô hình Tobit (hay còn gọi là mô hình kiểm duyệt) với sự hỗ trợ của phần mềm Stata.

Theo Gujarati (2004), Tobit là mô hình phù hợp nhất được sử dụng để ước lượng ảnh hưởng của các biến độc lập đến biến phụ thuộc trong trường hợp giá trị của biến phụ thuộc bị kiểm duyệt hay không được phép nhỏ hơn một giá trị nào đó. Trong trường hợp bài viết này, giá trị của biến phụ thuộc (số tiền tham gia hội) chỉ có thể lớn hơn hoặc bằng không vì các cá nhân có thể tham gia hội với một số tiền nào đó hay không tham gia.

Kết quả nghiên cứu và thảo luận

Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp thu thập số liệu

Số liệu sử dụng trong bài được thu thập bằng phương pháp ngẫu nhiên phân tầng ở 10 huyện, thị xã và thành phố thuộc tỉnh An Giang. Cụ thể, ở mỗi thành phố, thị xã hay huyện, nhóm tác giả tiến hành chọn ngẫu nhiên ba xã (phường) và sau đó tiếp tục chọn ngẫu nhiên 450 cá nhân có gia đình sống ở các xã (phường) này để tiến hành phỏng vấn dựa vào bảng câu hỏi được soạn sẵn.

Phương pháp phân tích số liệu

Trên cơ sở số liệu thu thập được, bài viết sử dụng phương pháp thống kê miêu tả để

Mô tả mẫu khảo sát

Theo kết quả khảo sát trong 450 cá nhân được chọn ngẫu nhiên thì có 316 người có tham gia hội (chiếm 70,2% số cá nhân được khảo sát) và 316 cá nhân này tham gia 355 dây hội; tính bình quân, mỗi người tham gia khoảng 1,1 dây hội. Kết quả này một lần nữa khẳng định tính phổ biến của hội ở An Giang. Xét trên phương diện thời gian, hội có thể chia thành nhiều loại, trong đó phổ biến nhất là hội tháng (chiếm 51,8% số dây hội được khảo sát), hội tuần (23,9%), hội ngày (21,5%), trong khi hội hai tuần chỉ chiếm 2,8% số dây hội được khảo sát.

Loại hội nào cũng đều phải có hoa hồng cho chủ hội. Theo kết quả khảo sát, hoa



hồng cho chủ hội cụ thể: nếu đây hội có số tiền tham gia nhỏ hơn 500.000 đồng/người thì hoa hồng sẽ bằng với số tiền tham gia của một người; chẳng hạn, nếu mức hội là 200.000 đồng/người thì hoa hồng cho chủ hội cũng là 200.000 đồng. Nếu đây hội

có số tiền tham gia từ 500.000 đồng/người trở lên thì hoa hồng bằng một nửa số tiền tham gia của mỗi người, nghĩa là nếu số tiền tham gia là 1.000.000 đồng/người thì hoa hồng cho chủ hội sẽ là 500.000 đồng. Tuy nhiên, cũng có một số trường hợp chủ hội nhận nhiều hơn số tiền tham gia hội do có khả năng đảm bảo an toàn cao cho những người tham gia; điều này phụ thuộc vào thỏa thuận giữa những người tham gia trước khi đây hội bắt đầu.

Tuổi trung bình của người tham gia hội là 36 và trình độ học vấn trung bình là lớp 9. Những người tham gia hội có nghề nghiệp khá phong phú, trong đó nông dân chiếm 33,6%; mua bán nhỏ chiếm 28,5%; công nhân viên chiếm 24,8%; chủ doanh nghiệp gia đình chiếm 10,2% và chủ công ty tư nhân chiếm 2,9%. Nơi sống của người tham gia hội cũng phân bố rộng khắp trong tỉnh, trong đó có 38,9% sống ở nông thôn; 24,2% ở chợ xã; 20,2% ở thị trấn và 16,7% ở thị xã hay thành phố.

Khi đề cập đến hội, nhiều người thường nghĩ người tham gia sẽ là nữ. Tuy nhiên, kết quả khảo sát cho thấy chỉ có 77,5% số người tham gia hội là nữ và 22,5% còn lại là nam giới, cho thấy hội ngày nay là một hình thức tín dụng đáp ứng được nhu cầu của nhiều đối tượng trong xã hội. Kết quả khảo sát cũng cho thấy cách thức sử dụng tiền hốt hội là khá đa dạng (Bảng 2), trong đó đáng lưu ý là có đến 25% số người sử dụng hội như là một hình thức tiết kiệm.

Bảng 2: Cách thức sử dụng số tiền hốt hội

Cách thức sử dụng tiền hốt hội	Số quan sát	Tỷ trọng (%)
Mua đồ dùng gia đình	81	25,6
Tiết kiệm	79	25,0
Mua lương thực – thực phẩm	60	19,0
Đầu tư vào sản xuất	54	17,1
Trả học phí cho con em	42	13,3
Tổng cộng	316	100,0

Nguồn: Nhóm tác giả tính toán từ số liệu tự khảo sát năm 2011

Do tâm lý là quá quen thuộc với hình thức tín dụng này nên nhiều người tham gia hội có xu hướng xem thường yếu tố rủi ro do hội gây ra. Thật vậy, kết quả khảo sát cho thấy có đến 208 người tham gia hội mà không có hợp đồng (chiếm 65,9% số người tham gia) bởi cho rằng không cần thiết (143 người, chiếm 45,3%) hay quá phức tạp (65 người, chiếm 20,6%). Số còn lại 108 người có làm hợp đồng ở dạng giấy tay (34,1%) vì cho rằng cần đảm bảo an toàn (68 người, chiếm 21,5%) hay có cơ sở pháp lý để bảo vệ quyền lợi nếu xảy ra tranh chấp (40 người, chiếm 12,6%); song hợp đồng dạng này không thực sự có giá trị pháp lý mà chỉ đơn thuần là tạo sự an tâm cho người tham gia hội. Có khá đông người không làm hợp đồng khi tham gia hội do họ thường tham gia hội với hàng xóm, người thân, người cùng nghề hay cùng trong các tổ chức đoàn thể.

Số tiền tham gia hội bình quân là 1,5 triệu đồng/người; số tiền nhiều nhất lên đến 20 triệu đồng/người và ít nhất là 0,2 triệu đồng/người. Số tiền tham gia hội phổ biến là 1 triệu đồng/người; số tiền này có thể không đáng kể đối với người có thu nhập cao nhưng lại khá lớn đối với những người dân sống ở nông thôn, có thu nhập thấp. Vì vậy, việc đảm bảo an toàn khi tham gia hội phải là vấn đề cần được quan tâm của chính bản thân người tham gia cũng như chính quyền các cấp.

Kết quả phân tích

Các chỉ tiêu kiểm định mô hình (như loglikelihood = -827,116; $pro > \chi^2 = 0,000...$) trình bày ở phần

Bảng 3: Kết quả phân tích*Biến phụ thuộc: Số tiền tham gia hội (triệu đồng/người)*

Biến số	Hệ số β	df/dx	Giá trị P
Hằng số C	-2,860	---	0,003
NGHENGHIEP	0,696**	0,402	0,040
QDRUIRO	-0,459	-0,256	0,274
LOIICH	2,109***	1,245	0,000
THUNNHAP	0,244***	0,141	0,000
CHIBATTHUONG	0,993***	0,537	0,008
THAMNIEN	0,166***	0,096	0,000
TUOI	0,004	0,002	0,815
HOCVAN	-0,405	-0,233	0,222
NOISONG	-1,202***	-0,669	0,000
SOTHANHVIEN	-0,196	-0,114	0,121
GIATRIDAT	0,000	0,000	0,730
TAISAN	-0,004**	-0,002	0,021
MUCDICH	1,703***	0,978	0,000
Số quan sát	450		
Log likelihood	-827,116		
LR chi ² (13)	238,60		
Prob > chi ²	0,000		

Ghi chú: (*): mức ý nghĩa 10%; (**): mức ý nghĩa 5% và (***): mức ý nghĩa 1%.

Nguồn: Nhóm tác giả tính toán từ số liệu tự khảo sát năm 2011

c cuối của Bảng 3 cho thấy mô hình nghiên cứu được sử dụng có mức ý nghĩa rất cao (1%) trong việc ước lượng ảnh hưởng của các yếu tố có liên quan đến quyết định tham gia hội của các cá nhân trong mẫu khảo sát¹.

Kết quả ước lượng cho thấy những người làm các nghề khó có thể được tài trợ bởi của các TCTD sẽ có động cơ tham gia hội mạnh hơn bởi biến NGHENGHIEP có hệ số dương ở mức ý nghĩa 5%. Tuy nhiên, quan điểm đối với rủi ro lại không có ảnh hưởng đến quyết định tham gia hội của các cá nhân được khảo sát do biến QDRUIRO có hệ số không có ý nghĩa thống kê. Nguyên nhân của hiện tượng này là do thâm niên tham gia hội khá dài (bình quân là khoảng ba năm cho toàn bộ mẫu khảo sát) hay nhiều đây hội chủ yếu bao gồm những người thân thuộc, quen biết nhau nhiều nên mức độ rủi ro theo nhận định chủ quan của những người tham gia là thấp và không ảnh hưởng đến quyết định tham gia hội của họ.

Ngược lại với quan điểm đối với rủi ro, yếu tố lợi ích có ảnh hưởng rất mạnh đến quyết định tham gia hội của các cá nhân trong mẫu khảo sát. Thật vậy, kết quả ước lượng cho thấy biến LOIICH có hệ số dương ở mức ý nghĩa 1%, nghĩa là nếu cho rằng lợi ích từ việc tham gia hội là đủ cao thì các cá nhân sẽ có xu hướng tham gia hội. Kết quả này phù hợp với diễn biến thực tế ở nước ta, đó là hiện tượng vỡ hội xảy ra khá nhiều do người tham gia hội thường quan tâm đến lợi ích mà lơ là yếu tố rủi ro nên dễ bị lừa đảo. Mặc dù theo

nhận định chủ quan của mỗi người, rủi ro có thể không cao nhưng đó có thể là sai lầm bởi rủi ro do hội gây ra thường rất khó lường vì chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố từ vi mô (năng lực tài chính của người tham gia, khả năng cưỡng chế người tham gia, kết quả kinh doanh của người tham gia...) cho đến các yếu tố vĩ mô (triển vọng tăng trưởng của nền kinh tế, lãi suất ngân hàng, triển vọng của thị trường bất động sản, giá chứng khoán...).

Kết quả ước lượng cho thấy thu nhập cũng có ảnh hưởng đến số tiền tham gia hội qua việc biến THUNNHAP có hệ số dương ở mức ý nghĩa 1%. Nhu cầu đáp ứng các chi tiêu bất thường cũng ảnh hưởng đến số tiền tham gia hội vì biến CHIBATTHUONG có hệ số dương ở mức ý nghĩa 1%. Tương tự, biến THAMNIEN cũng có hệ số dương ở mức ý nghĩa 1%. Thâm niên làm tăng động cơ tham gia hội do thời gian tham gia hội dài có thể giúp người tham gia có kinh nghiệm hơn trong việc hạn chế rủi ro và làm tăng

¹ Trước khi phân tích mô hình hồi quy, nhóm tác giả đã kiểm định các giả thuyết của mô hình, đặc biệt là hiện tượng đa cộng tuyến giữa các biến độc lập. Kết quả kiểm định cho thấy các biến này không có hiện tượng đa cộng tuyến.

lợi ích nhờ có khả năng chọn lựa đối tác và hình thức hụi có lợi nhất cho mình. Ngoài ra, nếu đã có thói quen tham gia hụi trong thời gian dài thì ít người từ bỏ nó mà có xu hướng tiếp tục với số tiền ngày một lớn hơn, trừ khi có bất trắc xảy ra.

Các biến TUOI, SOTHANHVIEN, GIATRIDAT và HOCVAN có các hệ số không có ý nghĩa thống kê, cho thấy các yếu tố này không có ảnh hưởng đến động cơ tham gia hụi của các cá nhân trong mẫu khảo sát. Trong khi đó, biến NOISONG có hệ số âm ở mức ý nghĩa 1%. Đó là vì những người sống ở nông thôn ít có cơ hội tiếp cận TDCT nên sẽ có động cơ tham gia hụi mạnh hơn; ngược lại, những người sống ở thành thị có nhiều cơ hội tiếp cận TDCT nên ít có động cơ tham gia hụi, ngoại trừ một số người có nghề nghiệp đặc thù như tiểu thương hay công nhân viên.

Đúng như kỳ vọng, biến GIATRITAI SAN có hệ số âm ở mức ý nghĩa 1%, cho thấy các tài sản dễ chuyển đổi thành tiền mặt sẽ làm hạn chế động cơ tham gia hụi vì chúng có thể giúp các cá nhân đáp ứng được các nhu cầu chi tiêu cần thiết, thay vì phải tham gia hụi. Cuối cùng, nếu có mục tiêu là tạo vốn cho sản xuất - kinh doanh thì các cá nhân sẽ tham gia hụi với số tiền lớn hơn so với mục đích tiết kiệm hay mục đích khác bởi vì khi đầu tư vào lĩnh vực nào đó thì thường phải có số tiền đủ lớn, trong khi để tiết kiệm thì các cá

nhân sẽ tham gia tùy theo số tiền nhàn rỗi của mình.

Kết luận

Do rất tiện lợi và có ích nên hụi là hình thức tín dụng dân gian khá phổ biến và thu hút nhiều người tham gia. Lợi ích của hụi xuất phát từ việc tiền tiết kiệm của người này được sử dụng ngay để tài trợ cho người khác mà không phải chờ đến khi tự để dành đủ tiền. Tuy có lợi như vậy nhưng do ảnh hưởng của một số yếu tố nhất định nên không phải ai cũng tham gia hụi. Kết quả kiểm định cho thấy quyết định tham gia hụi của các cá nhân trong mẫu khảo sát phụ thuộc vào các yếu tố như nghề nghiệp, lợi ích, thu nhập, chi tiêu bất thường, thâm niên tham gia hụi, nơi sống, giá trị tài sản và mục đích tham gia hụi.

Trong các yếu tố trên, đáng lưu ý nhất là những người tham gia hụi quan tâm nhiều đến lợi ích mà lơ là yếu tố rủi ro do chủ quan. Thật vậy, kết quả nghiên cứu cho thấy lợi ích cao thu hút nhiều người tham gia hụi nhưng lại có đến 65,9% số người tham gia hụi không có bất kỳ hình thức hợp đồng nào và 34,1% còn lại có làm hợp đồng nhưng chỉ ở dạng giấy tay không





có đầy đủ giá trị pháp lý. Chính vì vậy, hiện tượng vỡ hụi do lừa đảo diễn ra khá phổ biến trong thời gian qua. Để hụi trở thành một kênh tín dụng có ích mà lại an toàn cho người dân, các cấp thẩm quyền cần thực hiện các giải pháp sau: (i) Tuyên truyền rộng rãi trong nhân dân về tính hợp pháp của việc tham gia hụi (hụi đã được chính thức hóa bằng Nghị định 144/2006/NĐ-CP ban hành ngày 27/11/2006 của Chính phủ). Khi đã thông suốt tinh thần của Nghị định này thì người tham gia hụi sẽ mạnh dạn nhờ đến sự bảo vệ của cơ quan pháp luật khi có tranh chấp hay lừa đảo xảy ra, qua đó làm giảm mức độ rủi ro của hụi; (ii) Quản lý các chủ hụi như là một chủ thể kinh doanh có đăng ký hợp pháp để giảm thiểu rủi ro cho người tham gia hụi. Khi đó, hụi sẽ trở thành một kênh tín dụng quan trọng để tập hợp lượng vốn còn phân tán trong dân chúng để góp phần cải thiện thu nhập cho mọi người; (iii) Trong dài hạn, cần có chính sách hỗ trợ sự phát triển của hệ thống TDCT (nhất là ở những vùng nông thôn vì kết quả khảo sát cho thấy có đến 38,9% số người tham gia hụi sống ở nông thôn và 24,2% sống tại các chợ xã ở nông thôn) để dần biến hụi trở thành một loại hình hoạt động hữu hiệu của các TCTD trong việc huy động tiền nhàn rỗi của dân chúng⁵

Tài liệu tham khảo

1. Lê Khương Ninh và Phạm Văn Dương (2011), *Phân tích các yếu tố quyết định lượng vốn vay chính thức của hộ nông dân ở tỉnh An Giang*, Tạp chí Công nghệ Ngân hàng 60 (tháng 3/2011), trang 8–15.
2. Ambec, S. & Treich, N. (2007). *Roscas as Financial Agreements to Cope with Self-control Problems*. *Journal of Development Economics* 82, trang 120–137.
3. Anderson, S., Baland, J., M. & Moene, K., O. (2009). *Enforcement in Informal Saving Groups*. *Journal of Development Economics* 90, trang 14–23.
4. Barslund, M. & Tarp, F. (2008). *Formal and Informal Rural Credit in Four Provinces of Vietnam*. *World Development* 44(4), trang 485–503.



5. Besley, T., Coate, S. & Loury, G. (1993). *The Economics of Rotating Savings and Credit Associations*. *American Economic Review* 83(4), trang 792–810.
6. Calomiris, C., W. & Rajaraman, I. (1998). *The Role of ROSCAs: Lumpy Durables or Event Insurance?*. *Journal of Development Economics* 56, trang 207–216.
7. Eeckhout, J., & Munshi, K. (2010). *Matching in Informal Financial Institutions*. *Journal of the European Economic Association* 8(5), trang 947–988.
8. Gugerty, M., K. (2007). *You Cant Save Alone: Commitment in Rotating Savings and Credit Association in Kenya*. *Economic Development and Cultural Change* 55, trang 251–282.
9. Gujarati, D., N. (2004). *Basic Econometrics, Fourth Edition*, McGraw-Hill.
10. Handa, S. & Kirton, C. (1999). *The Economics of Rotating Savings and Credit Associations: Evidence from the Jamaican Partner*. *Journal of Development Economics* 60, trang 173–194.
11. Imai, K., S., Gaiha., R. & Kang, W. (2010). *Vulnerability and Poverty Dynamics in Vietnam*. *Applied Economics* 33, trang 1–16.
12. Levenson, A. A. & Besley, T. (1996). *The Anatomy of an Informal Financial Market: Rosca Participation in Taiwan*. *Journal of Development Economics* 51, trang 45–68.
13. Tanaka, T. và Quang Nguyen (2008). *Rosca as a Saving Commitment Device for Sophisticated Discounters: Fiel Experiment from Vietnam*. Arizona State University.